TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 01 – 2026
V/v "Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có****:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2025/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST–HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Số căn cước công dân: 052196015178, ngày cấp 27/9/2022.

Địa chỉ: Thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Ông Cao Kha L, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Số chứng minh nhân dân: 381466535, ngày cấp 02/11/2012.

Địa chỉ: Ấp K, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2025 nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Cao Kha L chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, tỉnh Cà Mau).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau đó, ông L vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại Trại giam A và hiện nay không còn liên lạc với nhau. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Cao Kha L.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Cao Lê Nguyên K, sinh ngày 06/6/2016. Hiện con chung đang sống cùng với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Tại Bản tự khai ngày 11/12/2025 có xác nhận của Trại giam A – ông Cao Kha L trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà T chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng do ông đang chấp hành án nên bà T yêu cầu ly hôn. Nay ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Cao Lê Nguyên K, sinh ngày 06/6/2016. Khi ly hôn do ông đang chấp hành án nên giao cho bà T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên toà:

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thùy T. Cho bà Lê Thị Thùy T được ly hôn với ông Cao Kha L. Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Cao Lê Nguyên K, sinh ngày 06/6/2016 cho bà Lê Thị Thùy T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Cao Kha L không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Cao Kha L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Lê Thị Thùy T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Thùy T khởi kiện xin ly hôn với ông Cao Kha L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Cao Kha L đăng ký hộ khẩu tại ấp K, xã N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Lê Thị Thùy T và ông Cao Kha L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy T và ông Cao Kha L tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 99/2015 ngày 20/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là xã N, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà T nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân không hoà hợp, không hạnh phúc, thường xuyên cự cải. Nguyên nhân là do tính tình không hoà hợp, bất đồng ý kiến và quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Và hiện nay ông L đang chấp hành án nên hai bên không còn liên lạc với nhau. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn. Tại Bản tự khai ngày 11/12/2025 ông L xác định cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng do ông đang chấp hành án nên bà T yêu cầu ly hôn ông không đồng ý. Tuy nhiên, ông L không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm và bà T vẫn cương quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông L.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Cao Lê Nguyên K, sinh ngày 06/6/2016. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi bà T và ông L không còn chung sống với nhau thì con chung do bà T nuôi dưỡng và hiện nay con chung vẫn phát triển bình thường. Bà T có đủ điều kiện nuôi con, ông L cũng đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng vì hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam A. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 10/10/2025 cháu K cũng có nguyện vọng sống với bà T. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định để bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thùy T. Cho bà Lê Thị Thùy T được ly hôn với ông Cao Kha L.

Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Cao Lê Nguyên K, sinh ngày 06/6/2016 cho bà Lê Thị Thùy T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Cao Kha L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Cao Kha L không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của bà Lê Thị Thùy T.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng. Bà Lê Thị Thùy T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 00052706 ngày 21 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cà Mau;
- UBND xã Nguyễn Việt Khái, tỉnh Cà Mau;
(Giấy CNKH số 99 ngày 20/11/2015)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Như